

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam.

2. Bà Đậu Thị Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoàn Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở hiện nay: Khu phố X 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Ngọc H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Trịnh Ngọc H tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại khu phố

4, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã nhau, do bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày về vấn đề kinh tế. Từ năm 2019 cho đến nay hai vợ chồng bà không còn sống chung, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm của bà và ông H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Trịnh Ngọc Anh T, sinh ngày 26/12/2010 và Trịnh Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/10/2017. Các con hiện nay đang sống với ông H. Nếu được ly hôn bà đề nghị Tòa án giao 02 con chung là Trịnh Ngọc Anh T và Trịnh Ngọc Anh T1 cho ông Trịnh Ngọc H nuôi dưỡng. Đối với cấp dưỡng nuôi con chung tại đơn khởi kiện bà đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà trình bày bà làm nghề buôn bán thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đồng/tháng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng/1con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trịnh Ngọc H: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L và giao cháu Trịnh Ngọc Anh T và Trịnh Ngọc Anh T1 cho ông Trịnh Ngọc H nuôi dưỡng và bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng/1con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Trịnh Ngọc H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trịnh Ngọc H có nơi cư trú tại khu phố 4, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trịnh Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76 ngày 17/10/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L trình bày: Từ đầu năm 2019 bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã nhau, do bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày về vấn đề kinh tế. Từ năm 2019 cho đến nay bà L và ông H không còn sống chung với nhau. Lời trình bày của bà L phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hải: “...ông Trịnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị L trong khoảng thời gian năm 2019 cho đến nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau”.

Xét thấy bà L và ông H không còn sống chung, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Tình trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Trịnh Ngọc Anh T, sinh ngày 26/12/2010 và Trịnh Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/10/2017. Bà L đề nghị giao 02 con chung cho ông H nuôi dưỡng, thấy rằng: Sau khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì từ năm 2019 cho đến nay cháu T và cháu T1 do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng ở với ba. Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 28/4/2022 ông Trịnh Ngọc C, bà Huỳnh Thị T là cha mẹ ruột của ông H trình bày: Ông H đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con, ông H làm thuê thu nhập bình quân khoảng hơn 8.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà L đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà L trình bày bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con là 1.000.000 đồng/1 tháng/1con. Việc thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trịnh Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho ông Trịnh Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Trịnh Ngọc Anh T, sinh ngày 26/12/2010 và Trịnh Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/10/2017. Bà Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng mỗi con 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng/con. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003897 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị L còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2022). Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (GCNKH số: 76, ngày 17/10/2006);
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Diệu